

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ KON TUM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ KON TUM

Địa chỉ: Số nhà 200, đường U Rê, phường Duy Tân, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum

MỤC LỤC	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 04
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	05 - 06
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	07 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 26

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ KON TUM

Địa chỉ: Số nhà 200, đường U Rê, phường Duy Tân, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Kon Tum trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

1. Công ty

Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Kon Tum là Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Công ty”). Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 6100146571, đăng ký lần đầu ngày 30/03/1999, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 14/09/2018.

Công ty được chuyển đổi loại hình từ Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Kon Tum theo Quyết định số 211/QĐ-UBND ngày 16 tháng 3 năm 2012 của UBND tỉnh Kon Tum về việc “Cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Môi trường đô thị Kon Tum”.

2. Trụ sở chính

Công ty có trụ sở chính tại: Số nhà 200, đường U Rê, phường Duy Tân, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

3. Hoạt động chính

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, hoạt động chính của Công ty là: thu gom rác, duy tu sửa chữa các công trình công ích, chăm sóc cây xanh, quản lý vận hành điện công lộ, quản trang, cho thuê nhà thuộc sở hữu nhà nước.

4. Ban lãnh đạo công ty

Các thành viên Ban Lãnh đạo Công ty đã điều hành Công ty trong suốt năm tài chính 2018 và đến ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị:

Ông Phạm Văn Hải	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Trần Quốc Tuấn	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Phan Đình Việt	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Hữu Duyên	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Hoàng Văn Danh	Thành viên Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát:

Bà Võ Thị Năm	Trưởng ban kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Hạnh	Thành viên ban kiểm soát
Ông Trương Trung Kiên	Thành viên ban kiểm soát

Ban điều hành:

Ông Phạm Văn Hải	Giám đốc Công ty
Ông Nguyễn Hữu Duyên	Phó Giám đốc Công ty
Ông Nguyễn Văn Sáng	Phó Giám đốc Công ty
Ông Nguyễn Công Tường	Kế toán trưởng

5. Tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và phân phối lợi nhuận

Tình hình tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày tại 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính từ trang số 07 đến trang số 26 kèm theo.

Lợi nhuận sau thuế sẽ được phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, phù hợp với quy định tại Thông tư số 61/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 04 năm 2016 của Bộ Tài chính.

6. Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

7. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Vạn An – Hà Nội đã được chỉ định là kiểm toán viên, thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

8. Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đã được thuyết minh trong Báo cáo tài chính hay chưa;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở giả định hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ KON TUM

Địa chỉ: Số nhà 200, đường U Rê, phường Duy Tân, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum

9. Ý kiến của Ban Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2018 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và các lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Phạm Văn Hải

Giám đốc

Kon Tum, ngày 04 tháng 03 năm 2019

SỐ: 07/2019/VACA-HANOI/BCKT-BCTC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018
của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Kon Tum

**Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Kon Tum**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Kon Tum, từ trang 07 đến trang 26, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Kon Tum tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Vạn An – Hà Nội



Bùi Ngô Liên - Giám đốc

*Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 1006-2018-281-1*

Hà Nội, ngày 04 tháng 03 năm 2019

Nguyễn Minh Ân - Kiểm toán viên

*Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 1313-2018-281-1*

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

(Đơn vị tính: VND)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		19.593.190.994	16.440.673.499
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	12.322.859.604	2.015.533.489
1. Tiền	111		1.322.859.604	2.015.533.489
2. Các khoản tương đương tiền	112		11.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		6.499.075.983	13.491.796.751
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	6.161.131.329	11.559.554.000
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	100.000.000	91.300.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	237.944.654	1.840.942.751
IV. Hàng tồn kho	140		430.658.116	498.070.364
1. Hàng tồn kho	141	V.5	430.658.116	498.070.364
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		340.597.291	435.272.895
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	51.481.963	122.045.191
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.10	289.115.328	313.227.704
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.749.291.906	7.100.362.389
II. Tài sản cố định	220		4.403.354.571	6.283.348.050
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	4.361.132.315	6.209.125.814
- Nguyên giá	222		17.450.535.143	17.450.535.143
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.089.402.828)	(11.241.409.329)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	42.222.256	74.222.236
- Nguyên giá	228		96.000.000	96.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(53.777.744)	(21.777.764)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		345.937.335	817.014.339
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6	345.937.335	817.014.339
TỔNG TÀI SẢN	270		24.342.482.900	23.541.035.898

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

(Đơn vị tính: VND)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		3.936.396.686	7.358.656.096
I. Nợ ngắn hạn	310		3.901.396.686	7.345.656.096
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	1.640.084.787	75.500.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	1.017.299.800	1.091.555.600
4. Phải trả người lao động	314		273.021.799	2.921.178.592
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11	574.835.364	1.075.666.845
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.12	-	918.385.080
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		396.154.936	1.263.369.979
II. Nợ dài hạn	330		35.000.000	13.000.000
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.11	35.000.000	13.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		20.406.086.214	16.182.379.792
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	20.406.086.214	16.182.379.792
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		12.103.300.000	12.103.300.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.355.478.825	4.079.079.792
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.947.307.389	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG NGUỒN VỐN	440		24.342.482.900	23.541.035.888

Kon Tum, ngày 04 tháng 03 năm 2019

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Quách Vĩnh Hùng

Nguyễn Công Tường

Phạm Văn Hải

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

(Đơn vị tính: VND)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	69.778.307.088	71.417.076.548
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		<u>69.778.307.088</u>	<u>71.417.076.548</u>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	56.539.452.578	57.993.026.691
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		<u>13.238.854.510</u>	<u>13.424.049.857</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	352.408.763	411.592.243
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.4	586.471.391	487.045.182
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	6.202.088.486	8.149.494.774
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>6.802.703.396</u>	<u>5.199.102.144</u>
11. Thu nhập khác	31	VI.6	296.487.285	270.828.767
12. Chi phí khác	32	VI.7	90.192.300	52.928.523
13. Lợi nhuận khác	40		<u>206.294.985</u>	<u>217.900.244</u>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		<u>7.008.998.381</u>	<u>5.417.002.388</u>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	1.061.690.992	1.093.986.182
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>5.947.307.389</u>	<u>4.323.016.206</u>

Kon Tum, ngày 04 tháng 03 năm 2019

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Quách Vĩnh Hùng

Nguyễn Công Tường

Phạm Văn Hải

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp trực tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

(Đơn vị tính: VND)

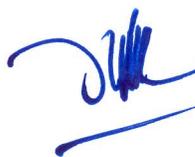
CHỈ TIÊU	MS	Năm 2018	Năm 2017
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh:			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	79.390.354.841	81.717.872.370
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(18.730.419.720)	(25.681.113.450)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(36.851.830.611)	(37.757.372.932)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(1.170.321.225)	(1.614.721.648)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	2.427.418.556	113.073.211
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(12.425.890.108)	(13.613.222.040)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	12.639.311.733	3.164.515.511
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư:			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	-	(1.441.521.818)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(7.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	7.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	352.364.763	336.425.577
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	352.364.763	(1.105.096.241)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính:			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.684.350.381)	(947.149.875)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.684.350.381)	(947.149.875)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	10.307.326.115	1.112.269.395
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	2.015.533.489	903.264.094
Ảnh hưởng của thay đổi TG hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	12.322.859.604	2.015.533.489

Kon Tum, ngày 04 tháng 03 năm 2019

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Quách Vĩnh Hùng

Nguyễn Công Tường

Phạm Văn Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ KON TUM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09 - DN

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Kon Tum là Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Công ty”). Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 6100146571, đăng ký lần đầu ngày 30/03/1999, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 14/09/2018.

Công ty được chuyển đổi loại hình từ Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Kon Tum theo Quyết định số 211/QĐ-UBND ngày 16 tháng 3 năm 2012 của UBND tỉnh Kon Tum về việc “Cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Môi trường đô thị Kon Tum”.

Trụ sở chính Công ty tại: Số nhà 200, đường U Rê, phường Duy Tân, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

Tổng số vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 4 ngày 14 tháng 09 năm 2018 của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Kon Tum là: 12.103.300.000 đồng (*Bằng chữ: Mười hai tỷ, một trăm lẻ ba triệu, ba trăm nghìn đồng*).

Tổng số cổ phần: 1.210.330 cổ phần, mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/ cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của công ty là cung cấp dịch vụ về môi trường.

3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Kon Tum bao gồm:

- *Thu gom rác thải không độc hại; Thu gom rác thải độc hại; Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại; Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại; Thoát nước và xử lý nước thải;*
- *Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng (Giao thông); Xây dựng công trình công ích (Duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa: đường, vỉa hè, điện công lộ, điện trang trí công viên, hoa viên, công trình cấp thoát nước đô thị); Hoạt động xây dựng chuyên dụng; Phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng, lắp đặt các hệ thống điện, cấp thoát nước;*
- *Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác; Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan; Cung ứng lao động tạm thời;*
- *Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ.*

Trong năm tài chính 2018, hoạt động chính của Công ty là: thu gom rác, duy tu sửa chữa các công trình công ích, chăm sóc cây xanh, quản lý vận hành điện công lộ, quản trang, cho thuê nhà thuộc sở hữu nhà nước.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty dưới 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có sự kiện nào có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty không có các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và không có các chi nhánh hạch toán phụ thuộc.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty đã được kiểm toán, các thông tin này bảo đảm tính so sánh được.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ Công ty sử dụng trong kế toán: Việt Nam Đồng.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2018 của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty hoạt động liên tục và được áp dụng các chính sách kế toán sau đây:

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, tiền gửi có kỳ hạn mà thời gian đáo hạn ban đầu không quá 3 tháng kể từ ngày gửi và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có khả năng thanh khoản cao có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của công ty bao gồm: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua (T+0) và được xác định giá trị theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua.

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn từ 6 tháng trở lên so với thời hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ, cam kết nợ hoặc được trích lập cho các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản, hay các khó khăn tương tự. Việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi được thực hiện theo quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của BTC.

Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo từng đối tượng.

Khi lập Báo cáo tài chính, các khoản phải thu có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng được phân loại là ngắn hạn, trên 12 tháng được phân loại là dài hạn. Việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi (nếu có) cũng được phân loại tương ứng.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

5. Nguyên tắc ghi nhận và các khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác, liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng ước tính cho mục đích tính toán này như sau:

<u>Nhóm tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (Năm)</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc, thiết bị	06 - 10
Phương tiện vận tải	05 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình được tính theo giá gốc. Khấu hao tài sản cố định vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với quy định tại thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng ước tính cho mục đích tính toán này như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (Năm)</u>
Phần mềm kế toán ASIA ENTERPRISE	03
Phần mềm quản lý thu phí vệ sinh	03

6. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước là chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau. Các chi phí này được phân bổ vào chi phí SXKD theo phương pháp đường thẳng, trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Lợi thế thương mại, lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa, được phân bổ dần vào chi phí SXKD theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm sau khi chính thức chuyển thành Công ty cổ phần.

Chi phí trả trước được theo dõi chi tiết từng khoản chi phí trả trước theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí tại ngày lập báo cáo.

7. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả khác:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả.

Nợ phải trả được kế toán theo giá trị ghi nhận ban đầu. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả là giá trị hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo. đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Các chi phí trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để

đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

Các khoản chi phí phải trả được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế (nếu có) được hoàn nhập.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp, thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận là số chênh lệch giữa tiền thu về bán cổ phần và mệnh giá cổ phiếu.

Lợi nhuận chưa phân phối là số lợi nhuận sau thuế từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Phân phối lợi nhuận được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phù hợp với quy định tại Thông tư số 61/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 04 năm 2016 của Bộ Tài chính, số lợi nhuận dùng để phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính.

Khi phân phối lợi nhuận Công ty loại trừ các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của doanh nghiệp.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Công ty ghi nhận doanh thu bán hàng khi đã hoàn thành giao hàng theo quy định của hợp đồng và phát hành hóa đơn GTGT.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập báo cáo;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Công ty ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ khi đã hoàn thành cung cấp dịch vụ theo quy định của hợp đồng và phát hành hóa đơn GTGT.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi, lãi cho vay.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thu nhập khác

Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh mà doanh nghiệp chắc chắn thu được.

Các khoản tiền phạt về bản chất là khoản giảm giá hàng mua, làm giảm khoản thanh toán cho người bán được hạch toán giảm giá trị tài sản hoặc khoản thanh toán (không hạch toán vào thu nhập khác) trừ khi tài sản có liên quan đã được thanh lý, nhượng bán.

11. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn được ghi nhận phù hợp với doanh thu tương ứng; Khi một khoản doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ được ghi nhận, nhưng chưa tập hợp đầy đủ hồ sơ làm căn cứ để ghi nhận giá vốn, kế toán căn cứ vào tính toán ban đầu, dự toán được phê duyệt để trích trước chi phí vào giá vốn trong kỳ.

Ghi nhận giá vốn bảo đảm nguyên tắc thận trọng, giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, sau khi trừ đi các khoản bồi thường, (nếu có) kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán. Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì được ghi giảm giá vốn hàng bán.

12. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Các chi phí phục vụ tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ, quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận là chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp đầy đủ và đúng kỳ. Các chi phí phát sinh nhưng chưa nghiệm thu, chưa có đủ hồ sơ, Chi phí bảo hành sản hàng hóa, bảo hành công trình đã tiêu thụ trong kỳ, đã ghi nhận doanh thu, được công ty trích trước vào chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi giảm khi các khoản chi phí trích trước được nghiệm thu hoặc có đủ hồ sơ, nếu số phát sinh thực tế nhỏ hơn số đã trích vào chi phí; hoặc hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết).

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ KON TUM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(Đơn vị tính: VNĐ)

V.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2018	01/01/2018
Tiền mặt	238.048.277	171.719.786
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.084.811.327	1.843.813.703
Các khoản tương đương tiền	11.000.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn nhỏ hơn 3 tháng	11.000.000.000	-
Tổng	12.322.859.604	2.015.533.489

V.2 Phải thu khách hàng

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Phải thu khách hàng ngắn hạn	6.161.131.329	-	11.559.554.000	-
- Phòng Tài chính Kế hoạch Thành phố Kon Tum	758.560.000	-	758.560.000	-
- Phòng Quản lý đô thị Thành phố Kon Tum	5.360.112.179	-	10.474.093.000	-
- Hà Trạm Minh	-	-	6.593.000	-
- Nguyễn Đình Hoan	15.500.000	-	15.500.000	-
- Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Kon Tum	-	-	59.505.000	-
- Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Kon Tum	25.669.150	-	190.065.000	-
- UBND Phường Quyết Thắng	-	-	50.325.000	-
- Phải thu các đối tượng khác	1.290.000	-	4.913.000	-
b) Phải thu khách hàng dài hạn	-	-	-	-

V.3 Trả trước cho người bán

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn	100.000.000	-	91.300.000	-
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia	-	-	69.300.000	-
- Công ty TNHH Quảng cáo và Tổ chức sự kiện Anh Thịnh Minh	-	-	22.000.000	-
- Huỳnh Tấn Tâm	100.000.000	-	-	-
b) Trả trước cho người bán dài hạn	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ KON TUM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

V.4 Các khoản phải thu khác

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	237.944.654	-	1.840.942.751	-
Phải thu chi phí thoái vốn Nhà nước	-	-	44.000.000	-
Tạm ứng	-	-	1.796.830.700	-
Phải thu khác	237.944.654	-	112.051	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
Tổng	237.944.654	-	1.840.942.751	-

V.5 Hàng tồn kho

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	400.016.000	-	466.205.458	-
Công cụ, dụng cụ	30.642.116	-	31.864.906	-
Tổng	430.658.116	-	498.070.364	-

V.6 Chi phí trả trước

	31/12/2018	01/01/2018
a) Ngắn hạn	51.481.963	122.045.191
Công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	51.481.963	122.045.191
b) Dài hạn	345.937.335	817.014.339
Lợi thế thương mại	-	347.953.693
Công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	345.937.335	469.060.646
Tổng	397.419.298	939.059.530

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

V.7 Tài sản cố định hữu hình

Mẫu B 09 - DN

Năm 2018	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Tổng
<u>Nguyên giá</u>					
Tại ngày 01/01/2018	2.939.500.144	280.000.000	14.166.034.999	65.000.000	17.450.535.143
Mua trong kỳ	-	-	-	-	-
Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-	-	-	-
Tặng khác	-	-	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2018	2.939.500.144	280.000.000	14.166.034.999	65.000.000	17.450.535.143
<u>Hao mòn lũy kế</u>					
Tại ngày 01/01/2018	2.371.585.730	280.000.000	8.524.823.599	65.000.000	11.241.409.329
Khấu hao trong kỳ	112.191.876	-	1.735.801.632	-	1.847.993.508
Tặng khác	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	(9)	-	-	-	(9)
Tại ngày 31/12/2018	2.483.777.597	280.000.000	10.260.625.231	65.000.000	13.089.402.828
<u>Giá trị còn lại</u>					
Tại ngày 01/01/2018	567.914.414	-	5.641.211.400	-	6.209.125.814
Tại ngày 31/12/2018	455.722.547	-	3.905.409.768	-	4.361.132.315

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ KON TUM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

V.8 Tài sản cố định vô hình

Năm 2018	Phần mềm quản lý thu phí vệ sinh	Phần mềm kế toán	Tổng
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2018	46.000.000	50.000.000	96.000.000
Mua trong kỳ	-	-	-
Tăng khác	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Tại ngày 31/12/2018	46.000.000	50.000.000	96.000.000
Hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2018	5.111.108	16.666.656	21.777.764
Khấu hao trong kỳ	15.333.324	16.666.656	31.999.980
Tăng khác	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Tại ngày 31/12/2018	20.444.432	33.333.312	53.777.744
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2018	40.888.892	33.333.344	74.222.236
Tại ngày 31/12/2018	25.555.568	16.666.688	42.222.256

V.9 Phải trả người bán

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	1.640.084.787	1.640.084.787	75.500.000	75.500.000
- Công ty Điện lực Kon Tum	775.466.484	775.466.484	-	-
- Cơ sở quảng cáo Nét Việt	288.000.000	288.000.000	-	-
- Công ty TNHH Dịch vụ thương mại Trần Lộc	196.541.797	196.541.797	-	-
- Doanh nghiệp tư nhân Việt Tường	154.430.580	154.430.580	-	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn - Xây dựng HP&DL	-	-	31.500.000	31.500.000
- Công ty Cổ phần Tư vấn - Dịch vụ về tài sản - Bất động sản DATC	-	-	44.000.000	44.000.000
- Phải trả cho các đối tượng khác	225.645.926	225.645.926	-	-
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Tổng	1.640.084.787	1.640.084.787	75.500.000	75.500.000

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ KON TUM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

V.10 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2018	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp (được hoàn trả) trong kỳ	31/12/2018
a) Phải nộp				
Thuế GTGT	920.901.365	3.916.307.483	3.857.126.741	980.082.107
Thuế thu nhập doanh nghiệp	150.321.225	1.055.355.949	1.170.321.225	35.355.949
Thuế BVMT và các thuế khác	20.333.010	65.517.265	83.988.531	1.861.744
Tổng	1.091.555.600	5.037.180.697	5.111.436.497	1.017.299.800
b) Phải thu				
Thuế thu nhập cá nhân	69.457.793	109.634.226	95.912.271	55.735.838
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	243.769.911	13.550.621	3.160.200	233.379.490
Tổng	313.227.704	123.184.847	99.072.471	289.115.328

V.11 Phải trả khác

	31/12/2018	01/01/2018
a) Ngắn hạn		
Các khoản phải trả, phải nộp khác	574.835.364	1.075.666.845
Tổng	574.835.364	1.075.666.845
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	35.000.000	13.000.000
Tổng	35.000.000	13.000.000

V.12 Dự phòng phải trả

	31/12/2018	01/01/2018
a) Ngắn hạn		
- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	-	269.745.700
- Dự phòng quỹ tiền lương	-	648.639.380
Tổng	-	918.385.080
b) Dài hạn		
Tổng	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ KON TUM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU B 09 - DN

V.13 Vốn chủ sở hữu

a) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
Vốn Nhà nước	3.631.180.000	7.875.810.000
Vốn Tư nhân	8.351.090.000	4.106.460.000
Vốn khác	121.030.000	121.030.000
Tổng	<u>12.103.300.000</u>	<u>12.103.300.000</u>

b) Biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Tổng
Tại ngày 01/01/2017	12.103.300.000	1.927.746.104	963.422.680	14.994.468.784
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	4.323.016.206	4.323.016.206
Tăng khác (<i>phân phối lợi nhuận</i>)	-	2.151.333.688	-	2.151.333.688
Tăng khác (<i>điều chỉnh theo QĐ số 634/QĐ-CT của Cục thuế Tỉnh KonTum về việc xử lý vi phạm về thuế</i>)	-	-	25.340.171	25.340.171
Giảm khác (<i>điều chỉnh thuế TNDN theo BBKT của Kiểm toán Nhà nước</i>)	-	-	(45.689.000)	(45.689.000)
Giảm do phân phối lợi nhuận năm 2016	-	-	(963.422.680)	(963.422.680)
Giảm do tạm phân phối lợi nhuận năm 2017	-	-	(4.302.667.377)	(4.302.667.377)
Tại ngày 31/12/2017	12.103.300.000	4.079.079.792	-	16.182.379.792
Tại ngày 01/01/2018	12.103.300.000	4.079.079.792	-	16.182.379.792
Lãi trong năm nay	-	-	5.947.307.389	5.947.307.389
Giảm khác (<i>điều chỉnh phân phối các quỹ theo QĐ số 634/QĐ-CT của Cục thuế Tỉnh KonTum</i>)	-	(12.670.085)	-	(12.670.085)
Giảm do điều chỉnh tỷ lệ phân phối lợi nhuận năm 2017	-	(1.710.930.882)	-	(1.710.930.882)
Tại ngày 31/12/2018	12.103.300.000	2.355.478.825	5.947.307.389	20.406.086.214

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ KON TUM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	12.103.300.000	12.103.300.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	12.103.300.000	12.103.300.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH*(Đơn vị tính: VND)***VI.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
Doanh thu cung cấp dịch vụ	69.778.307.088	71.417.076.548
Tổng	<u>69.778.307.088</u>	<u>71.417.076.548</u>

VI.2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	56.539.452.578	57.993.026.691
Tổng	<u>56.539.452.578</u>	<u>57.993.026.691</u>

VI.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
Lãi tiền gửi	352.408.763	411.592.243
Tổng	<u>352.408.763</u>	<u>411.592.243</u>

VI.4. Chi phí bán hàng

	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
Chi phí nhân viên bán hàng	486.615.446	373.235.728
Chi phí nguyên, vật liệu	6.589.545	10.300.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	900.000	10.466.182
Chi phí bằng tiền khác	92.366.400	93.043.272
Tổng	<u>586.471.391</u>	<u>487.045.182</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ KON TUM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

VI.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2018	Năm 2017
Chi phí nhân viên	3.976.487.776	4.877.627.016
Chi phí vật liệu quản lý	62.268.811	64.027.678
Chi phí công cụ dụng cụ	263.995.476	293.628.860
Chi phí khấu hao TSCĐ	241.177.056	441.508.093
Thuế phí, lệ phí	137.627.487	196.600.722
Chi phí dịch vụ mua ngoài	380.362.867	325.096.837
Chi phí bằng tiền khác	1.140.169.013	1.951.005.568
Tổng	6.202.088.486	8.149.494.774

VI.6. Thu nhập khác

	Năm 2018	Năm 2017
Thanh lý, nhượng bán tài sản	14.203.182	12.942.727
Hoàn nhập chi phí bảo hành công trình	269.745.700	-
Tiền thuế đất được giảm theo Thông báo số 1126 Quyết định số 424 của Cục thuế tỉnh Kon Tum	-	254.160.343
Các khoản khác	12.538.403	3.725.697
Tổng	296.487.285	270.828.767

VI.7. Chi phí khác

	Năm 2018	Năm 2017
Tiền truy thu, phạt chậm nộp thuế, BHXH	90.192.300	14.611.562
Chi bồi thường vi phạm hợp đồng	-	33.000.000
Các khoản khác	-	5.316.961
Tổng	90.192.300	52.928.523

VI.8. Chi phí thuế thu nhập hiện hành

	Năm 2018	Năm 2017
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	7.008.998.381	5.417.002.388
Thu nhập hưởng ưu đãi miễn thuế	1.790.735.720	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	5.218.262.661	5.417.002.388
Điều chỉnh Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	90.192.300	52.928.523
Chi phí không đủ điều kiện khấu trừ	90.192.300	52.928.523
Thu nhập chịu thuế	5.308.454.961	5.469.930.911
Chuyển lỗ và bù trừ lãi, lỗ	-	-
Thu nhập tính thuế	5.308.454.961	5.469.930.911
Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	-	-
TNTT sau khi đã trích lập quỹ KHCCN	5.308.454.961	5.469.930.911
Thuế suất áp dụng	20%	20%
Chi phí thuế TNDN năm hiện hành	1.061.690.992	1.093.986.182

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ KON TUM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

VI.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	14.504.494.864	15.556.697.522
Chi phí nhân công	36.096.985.525	37.253.311.860
Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	1.474.595.413	1.431.762.787
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.879.993.488	2.322.548.896
Thuế phí, lệ phí	137.627.487	196.600.722
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.389.810.312	2.183.552.326
Chi phí khác bằng tiền	7.844.505.366	8.043.741.010
Tổng	<u>63.328.012.455</u>	<u>66.988.215.123</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán đến ngày phát hành báo cáo này làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

2. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Vạn An – Hà Nội. Một số chỉ tiêu ở Kết quả hoạt động kinh doanh được điều chỉnh theo Quyết định số 634/QĐ-CT ngày 08/06/2018 của Cục thuế tỉnh Kon Tum về việc xử lý vi phạm thuế qua kiểm tra chấp hành pháp luật thuế:

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ KON TUM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2017:

CHỈ TIÊU	Trước điều chỉnh	Điều chỉnh	Sau điều chỉnh
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	71.807.400.238	(390.323.690)	71.417.076.548
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	71.807.400.238	(390.323.690)	71.417.076.548
4. Giá vốn hàng bán	58.304.472.938	(311.446.247)	57.993.026.691
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	13.502.927.300	(78.877.443)	13.424.049.857
6. Doanh thu hoạt động tài chính	411.592.243	-	411.592.243
7. Chi phí tài chính	-	-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	-	-	-
8. Chi phí bán hàng	487.045.182	-	487.045.182
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	8.196.697.003	(47.202.229)	8.149.494.774
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	5.230.777.358	(31.675.214)	5.199.102.144
11. Thu nhập khác	270.828.767	-	270.828.767
12. Chi phí khác	52.928.523	-	52.928.523
13. Lợi nhuận khác	217.900.244	-	217.900.244
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.448.677.602	(31.675.214)	5.417.002.388
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.100.321.225	(6.335.043)	1.093.986.182
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	= 4.348.356.377	(25.340.171)	4.323.016.206

3. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Kon Tum, ngày 04 tháng 03 năm 2019

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc





Quách Vĩnh Hùng

Nguyễn Công Tường

Phạm Văn Hải